

Số: /ĐA-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2023

ĐỀ ÁN

**Quy định mức học phí năm học 2023-2024 đối với các trường công lập
(giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên)
trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

Thực hiện Luật Giáo dục năm 2019 và Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Thực hiện quan điểm, đường lối giáo dục của Đảng: "Sự nghiệp giáo dục là sự nghiệp của Đảng, của Nhà nước và của nhân dân...". Cần phải đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục với phương châm: "Nhà nước và nhân dân cùng làm"; "Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, đầu tư có lợi nhất"; "Giáo dục và Đào tạo là quốc sách hàng đầu";

Thực hiện Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18/4/2005 của Chính phủ về đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động giáo dục, y tế, văn hoá và thể dục thể thao, đòi hỏi các ngành, các cấp phải tiếp tục huy động mọi nguồn lực đầu tư ngoài ngân sách Nhà nước cho giáo dục - đào tạo;

Nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng giảng dạy và tiếp tục thực hiện có hiệu quả mức thu và cơ chế quản lý, sử dụng nguồn thu từ học phí, Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng Đề án quy định mức học phí năm học 2022 - 2023 đối với các trường công lập (giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên) chương trình giáo dục đại trà trên địa bàn thành phố Hải Phòng, cụ thể như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT ĐỂ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Luật Giáo dục năm 2019;
- Luật Trẻ em năm 2016;
- Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;
- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.
- Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Đề án quy định mức học phí năm học 2022 - 2023 đối với các trường công lập (giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên) trên địa bàn thành

phổ Hải Phòng được ban hành trên cơ sở quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (sau đây gọi là Nghị định số 81/2021/NĐ-CP). Năm học 2022-2023, mức học phí được áp dụng theo mức sàn quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Từ năm học 2023 - 2024 trở đi, khung học phí được điều chỉnh theo tỷ lệ phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân nhưng không quá 7,5%/năm; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu học phí cụ thể nhưng không vượt mức trần quy định.

Mức học phí đối với các trường hiện nay đang được áp dụng theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc quy định mức học phí năm học 2022 - 2023 đối với các trường công lập (giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên) trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Do đó, việc xây dựng Đề án quy định mức học phí năm học 2023-2024 trên địa bàn thành phố Hải Phòng là cần thiết, làm căn cứ để Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

II. MỤC TIÊU XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Quy định mức thu học phí trên địa bàn thành phố theo quy định hiện hành, làm cơ sở pháp lý cho các trường học trên địa bàn thành phố áp dụng phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế.

Mục tiêu xây dựng Đề án quy định mức thu học phí nhằm thúc đẩy việc thực hiện chính sách xã hội hoá giáo dục của thành phố, bổ sung nguồn lực đầu tư cho sự nghiệp giáo dục để trang trải chi phí cần thiết cho công tác giảng dạy, tạo điều kiện cho các trường có nguồn kinh phí chủ động trong việc xây dựng, sửa chữa cơ sở hạ tầng, mua sắm trang thiết bị, đảm bảo lương và thu nhập cho giáo viên, các điều kiện nuôi dạy tốt hơn cho học sinh.

Xây dựng mức thu và cơ chế quản lý, sử dụng học phí đảm bảo các quy định của Nhà nước, đồng thời phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội và mức thu nhập của nhân dân thành phố nhằm thực hiện xã hội hoá, giải quyết những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn, tăng cường nguồn lực đầu tư phát triển sự nghiệp giáo dục đào tạo.

Làm cơ sở để thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố về chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh từ bậc học mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

III. ĐÁNH GIÁ VIỆC THU, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG KHOẢN THU HỌC PHÍ NĂM HỌC 2021-2022 THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 03/2021/NQ-HĐND NGÀY 12/8/2021 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

1. Tình hình thu học phí năm học 2022-2023

Năm học 2022 - 2023 học phí được thu theo các mức sau:

MỨC THU HỌC PHÍ NĂM HỌC 2022-2023

Đơn vị: nghìn đồng/học sinh/tháng

Cấp học	Thành thị	Nông thôn	Miền núi, hải đảo
1. Mầm non			
- Nhà trẻ	203	92	62
- Mẫu giáo	203	85	62
2. Trung học cơ sở	92	62	62
3. Trung học phổ thông	125	77	62
4. Giáo dục thường xuyên			
- Trung học cơ sở;	92	62	62
- Trung học phổ thông.	125	77	62

Tổng số học phí thu được trong năm học 2022 - 2023 như sau:

Đơn vị tính: nghìn đồng

Cấp học	Đơn vị tính	Tổng số học sinh	Số học sinh		Số thu học phí		Tổng số thu
			Thành thị	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn	
1. Mầm non		118.226	45.407	72.819	82.958.589	56.573.982	139.532.571
- Nhà trẻ	Trẻ	19.845	6.076	13.769	11.100.852	11.400.732	22.501.584
- Mẫu giáo	Cháu	98.381	39.331	59.050	71.857.737	45.173.250	117.030.987
2. THCS	HS	148.120	58.375	89.745	48.334.500	50.077.710	98.412.210
3. THPT	HS	63.895	34.055	29.840	38.311.875	20.679.120	58.990.995
4. GD TX	HV	8.470	3.832	4.638	4.311.000	3.214.134	7.525.134
Cộng		338.711	141.669	197.042	173.915.964	130.544.946	304.460.914

2. Tình hình quản lý, sử dụng khoản thu học phí

Khoản thu học phí: Các trường được sử dụng toàn bộ học phí thu được, bổ sung kinh phí hoạt động, sử dụng theo hướng dẫn của liên Sở: Giáo dục và Đào tạo - Tài chính, cụ thể:

Số thu học phí là một khoản thu xác định mức tự chủ tài chính của đơn vị theo quy định tại Điều 5 Thông tư 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính

hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; theo đó các đơn vị sự nghiệp công lập để lại 100% số thu học phí để sử dụng theo Thông tư 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính.

** Số chi học phí năm học 2022 - 2023:*

2.1. Ngành học mầm non

- Chi lương : 55.813 triệu đồng (40%)
- Phần còn lại thực hiện theo Thông tư 56/2022/TT-BTC: 83.719 triệu đồng.

2.2. Ngành học phổ thông

- Chi lương: 62.961 triệu đồng.
- Phần còn lại thực hiện theo Thông tư 56/2022/TT-BTC: 94.441 triệu đồng.

2.3. Ngành học giáo dục thường xuyên:

- Chi lương: 3.010 triệu đồng.
- Phần còn lại thực hiện theo Thông tư 56/2022/TT-BTC: 4.515 triệu đồng.

IV. ĐỀ XUẤT MỨC HỌC PHÍ VÀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ SỬ DỤNG HỌC PHÍ NĂM HỌC 2023 - 2024

Quy định mức học phí năm học 2023 - 2024 đối với các trường công lập (giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên) trên địa bàn thành phố Hải Phòng được ban hành trên cơ sở quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (sau đây gọi là Nghị định số 81/2021/NĐ-CP). Năm học 2022-2023, mức học phí được áp dụng theo mức sàn quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Từ năm học 2023 - 2024 trở đi, khung học phí được điều chỉnh theo tỷ lệ phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân nhưng không quá 7,5%/năm; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu học phí cụ thể nhưng không vượt mức trần quy định.

1. Nguyên tắc xác định học phí

Đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập: Mức thu học phí phải phù hợp với điều kiện kinh tế của từng địa bàn dân cư, khả năng đóng góp thực tế của người dân và tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng hàng năm.

Cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình chất lượng cao được thu học phí tương xứng để bù đắp chi phí đào tạo. Cơ sở giáo dục ngoài công lập tự quyết định mức thu học phí.

Các cơ sở giáo dục phải công bố công khai mức học phí cho từng năm học đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông.

2. Mức học phí đề nghị cho năm học 2023- 2024

Việc đề xuất mức học phí năm học 2023-2024 tính bằng mức sàn tại khung học phí quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ, đảm bảo phù hợp với thu nhập, mức sống của người dân, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tạo nguồn lực bổ sung để đầu tư cho sự nghiệp giáo dục.

Xuất phát từ những lý do đó, trên cơ sở báo cáo đề xuất của Sở Giáo dục và Đào tạo dự kiến thực hiện mức học phí bằng mức sàn tại khung học phí đối với các trường công lập (giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên).

Từ các căn cứ và nguyên tắc nêu trên, Ủy ban nhân dân thành phố đề xuất mức học phí năm học 2023 - 2024 đối với các trường công lập (giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên) trên địa bàn thành phố Hải Phòng bằng mức sàn tại khung học phí quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ, cụ thể như sau:

MỨC HỌC PHÍ NĂM HỌC 2022-2023

Đơn vị: nghìn đồng/học sinh/tháng

Cấp học	Thành thị	Nông thôn	Miền núi , hải đảo
1. Mầm non			
- Nhà trẻ	300	100	50
- Mẫu giáo	300	100	50
2. Tiểu học	300	100	50
3. Trung học cơ sở	300	100	50
4. Trung học phổ thông	300	200	100
5. Giáo dục thường xuyên			
- THCS	300	100	50
- THPT	300	200	100

Chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, quản lý, sử dụng học phí thực hiện theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố về

chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh từ bậc học mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

3. Cơ chế quản lý và sử dụng nguồn thu từ học phí

3.1. Thu học phí

Đối với cấp học mầm non và học sinh THCS (cả giáo dục thường xuyên) được hỗ trợ 100% học phí từ năm học 2020-2021 theo quy định tại Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố về chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh từ bậc học mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Đối với học sinh trung học phổ thông (cả giáo dục thường xuyên) được hỗ trợ 100% học phí từ năm học 2021-2022 theo quy định tại Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố về chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh từ bậc học mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Việc thu học phí và thực hiện hỗ trợ học phí cho học sinh từ bậc học mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng được thực hiện theo quy định.

Học phí được thu định kỳ hàng tháng; nếu học sinh tự nguyện, nhà trường có thể thu một lần cho cả học kỳ hoặc cả năm học. Đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục thường xuyên học phí được thu theo số tháng thực học. Đối với cơ sở giáo dục phổ thông, học phí được thu 9 tháng/năm.

Cơ sở giáo dục có trách nhiệm tổ chức thu học phí và nộp Kho bạc Nhà nước. Sử dụng biên lai thu học phí theo quy định của Bộ Tài chính.

3.2. Sử dụng nguồn thu học phí

3.2.1. Nguyên tắc chung

Căn cứ vào dự toán thu và tỷ lệ phân chia theo quy định tại văn bản hướng dẫn, cơ sở giáo dục lập dự toán chi theo quy định hiện hành (chi thường xuyên, chi không thường xuyên) gửi cơ quan Tài chính, Giáo dục và Kho bạc Nhà nước cùng cấp làm căn cứ thực hiện. Hàng quý và năm, các đơn vị quyết toán thu, chi học phí và tổng hợp chung vào báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước. Kết thúc năm ngân sách nguồn thu học phí chưa sử dụng hết, đơn vị được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng.

3.2.2. Sử dụng học phí

Các cơ sở giáo dục công lập được để lại 100% số thu học phí để sử dụng như sau:

3.2.2.1. Một phần số thu học phí (tối thiểu 40%) sử dụng để chi lương, tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

3.2.2.2. Phần còn lại được sử dụng để phục vụ các hoạt động tại đơn vị theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại

Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, cụ thể như sau:

a. Ngành học mầm non (bao gồm cả mầm non thực hành trong trường sư phạm):

- Chi tăng cường cơ sở vật chất cho đơn vị như: mua sắm tài liệu, thiết bị trường học, đồ dùng dạy học, sửa chữa và xây dựng nhỏ.

- Bổ sung kinh phí cho các hoạt động nghiệp vụ như: dạy thêm giờ, dạy thay, dạy treo và các hoạt động chuyên môn khác; khen thưởng tại trường thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ.

b. Ngành học phổ thông (bao gồm cả ngành học phổ thông trong các trường chuyên nghiệp):

- Chi tăng cường cơ sở vật chất cho đơn vị như: mua sắm sách thiết bị trường học, đồ dùng dạy học, bàn ghế học sinh, giáo viên; các thiết bị phục vụ cho dạy và học, sửa chữa và xây dựng nhỏ.

- Chi bổ sung cho các hoạt động của sự nghiệp giáo dục đào tạo, kể cả hỗ trợ xét tốt nghiệp, hỗ trợ giảng dạy, phục vụ giảng dạy (bao gồm các khoản chi nghiệp vụ chuyên môn và các khoản chi thường xuyên thuộc nội dung chi hoạt động sự nghiệp giáo dục); khen thưởng tại trường thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ.

c. Ngành học Giáo dục thường xuyên

- Đối với học sinh học văn hóa:

+ Chi tăng cường cơ sở vật chất như: mua sắm trang thiết bị và sửa chữa nâng cấp cơ sở vật chất.

+ Chi trả dạy thêm giờ, dạy thay, hỗ trợ giáo viên trực tiếp giảng dạy, chi phí cần thiết cho lớp học; hỗ trợ thi tốt nghiệp; khen thưởng tại đơn vị thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ.

- Đối với các loại hình đào tạo khác (chuyên đề, liên kết, đào tạo ngoại ngữ, tin học...) thực hiện theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; thu cân đối chi và thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định.

Các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập có trách nhiệm sử dụng số thu học phí đúng mục đích, nội dung chi và định mức chi theo quy định và phải được thể hiện trong quy chế chi tiêu nội bộ.

V. CHẾ ĐỘ MIỄN GIẢM HỌC PHÍ, HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

Chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập thực hiện theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục

quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Cụ thể như sau:

1. Đối tượng không phải đóng học phí

Đối tượng không phải đóng học phí tại các cơ sở giáo dục công lập bao gồm: Học sinh tiểu học.

2. Đối tượng được miễn học phí

2.1. Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/PL-UBTVQH14 ngày 19/12/2020,.

2.2. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

2.3. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi;
- Mồ côi cả cha và mẹ;
- Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật;
- Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội;
- Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- Cả cha và mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật;
- Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội;
- Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- Cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội;
- Cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

- Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Các đối tượng được giảm 50% học phí gồm

3.1. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên;

3.2. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Không thu học phí có thời hạn

4.1. Khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng do cơ quan có thẩm quyền công bố; tùy theo mức độ và phạm vi thiệt hại, Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định không thu học phí trong thời hạn nhất định đối với trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông thuộc vùng bị thiên tai, dịch bệnh vùng xảy ra các sự kiện bất khả kháng.

5. Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập

5.1. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ.

5.2. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông bị khuyết tật.

5.3. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

5.4. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

6. Cơ chế miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và hỗ trợ đóng học phí

6.1. Việc miễn, giảm học phí sẽ được thực hiện trong suốt thời gian học tập tại nhà trường, trừ trường hợp có những thay đổi về lý do miễn hoặc giảm học phí.

6.2. Nhà nước cấp bù tiền miễn, giảm học phí cho các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên công lập để thực hiện việc miễn, giảm học phí đối với người học thuộc các đối tượng miễn, giảm học phí quy định Nghị định số 81/2021/NĐ-CP theo mức học phí do Hội đồng

nhân dân thành phố quy định đối với cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên tương ứng với từng vùng, từng cấp học;

6.3. Kinh phí cấp bù miễn, giảm học phí; hỗ trợ đóng học phí được cấp theo thời gian học thực tế nhưng không quá 9 tháng/năm học đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên tại cơ sở giáo dục thường xuyên và 10 tháng/năm học đối với học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và thực hiện chi trả cho người học 2 lần trong năm vào đầu các học kỳ của năm học.

6.4. Nhà nước thực hiện hỗ trợ chi phí học tập trực tiếp cho các đối tượng quy định tại Điều 18 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP này với mức 150.000 đồng/học sinh/tháng để mua sách, vở và các đồ dùng học tập khác. Thời gian được hưởng theo thời gian học thực tế và không quá 9 tháng/1 năm học và thực hiện chi trả 2 lần trong năm vào đầu các học kỳ của năm học.

VI. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Là cơ quan thường trực chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các quận, huyện trong việc tổ chức triển khai thực hiện Đề án, cụ thể:

- Phối hợp với Sở Tài chính và các Sở, ngành liên quan hướng dẫn các cơ sở giáo dục thực hiện thu, chi học phí theo quy định. Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện thu, chi học phí của các cơ sở giáo dục.

- Phối hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội tổng hợp các đối tượng diện chính sách xã hội được miễn, giảm học phí, thống nhất với Sở Tài chính, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố hỗ trợ ngân sách.

2. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các Sở, ngành có liên quan đề xuất cơ chế tài chính và hướng dẫn sử dụng kinh phí. Tham mưu với Ủy ban nhân dân thành phố bố trí ngân sách cho các cơ sở giáo dục có các đối tượng diện chính sách xã hội được miễn giảm học phí.

3. Sở Lao động Thương binh và Xã hội

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra giám sát việc thực hiện chế độ miễn giảm cho các đối tượng chính sách xã hội, người nghèo, cận nghèo.

4. Kho bạc Nhà nước Hải Phòng và Kho bạc Nhà nước các quận huyện

Kiểm tra, giám sát việc thu, chi học phí qua kho bạc đảm bảo sử dụng đúng mục đích, thanh quyết toán kịp thời, đúng chế độ quy định.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các Sở, ngành liên quan chỉ đạo và cung cấp thông tin tuyên truyền về mức học phí năm học 2023 - 2024 đối với các trường công lập (giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên) trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin đại chúng, Công Thông tin điện tử thành phố, hệ thống thông tin cơ sở tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về việc thực hiện Đề án.

6. Ủy ban nhân dân các quận, huyện

Tổ chức quán triệt, chỉ đạo và tổ chức việc thực hiện Đề án học phí trên địa bàn. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, các hộ chính sách thuộc diện miễn giảm học phí để thực hiện, đảm bảo chính xác, đúng đối tượng.

Ủy ban nhân dân thành phố kính trình và đề nghị Hội đồng nhân dân thành phố phê duyệt Đề án quy định mức học phí năm học 2023 - 2024 đối với các trường công lập (giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên) trên địa bàn thành phố Hải Phòng, làm cơ sở để Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Ban HĐND;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐNDTP;
- Các Sở: GD&ĐT, LĐTB&XH, TC, TT&TT;
- Kho bạc NN HP;
- UBND các quận, huyện;
- CPVP;
- CV: GD;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Khắc Nam